

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đình Khôi**.
2. Bà **Nguyễn Thị Xuân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hữu Huỳnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Diễm T** - sinh năm 1987.

Nơi cư trú: tổ E, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc P** – sinh năm 1985.

Nơi cư trú: tổ E, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh P vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Trần Thị Diễm T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Ngọc P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo số 87, ngày 13/11/2008. Anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng nên hay xảy ra cãi nhau. Chị Thu nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P.

- Về nuôi con: Anh P, chị T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc K - sinh ngày 01/01/2010 và Nguyễn Ngọc N - sinh ngày 26/7/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng (5.000.000 đồng/con chung) cho đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản: Anh P, chị T tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn là anh Nguyễn Ngọc P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo số 87, ngày 13/11/2008. Anh chị chung sống hạnh phúc được 15 năm. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải, hàn gắn được với nhau. Anh P có tôn giáo là đạo Công giáo, không được phép ly hôn nên chị T yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về nuôi con: Anh P, chị T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc K - sinh ngày 01/01/2010 và Nguyễn Ngọc N - sinh ngày 26/7/2014. Anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng (5.000.000 đồng/con chung) cho đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản: Anh P, chị T tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T. Cho chị Trần Thị Diễm T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc K - sinh ngày 01/01/2010 và Nguyễn Ngọc N - sinh ngày 26/7/2014 cho chị T nuôi dưỡng, anh P cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng/tháng (5.000.000 đồng/con chung).

- Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có phát sinh tranh chấp.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn. Anh P chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc P có nơi cư trú, sinh sống tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P, tranh chấp nuôi con chung là Nguyễn Ngọc K - sinh ngày 01/01/2010 và Nguyễn Ngọc N - sinh ngày 26/7/2014 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Trần Thị Diễm T là nguyên đơn; anh Nguyễn Ngọc P là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự; anh P, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án:

[5.1] Về hôn nhân: Chị T, anh P tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, Đồng Nai. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Qua xem xét lời trình bày của anh chị T và anh P, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị T và anh P thật sự đã có những mâu thuẫn như vợ chồng không còn yêu thương quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Như vậy, cuộc sống vợ chồng của chị T và anh P đã vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, những mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được dẫn đến hôn nhân đổ vỡ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Chị Thu g nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh P thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và cho rằng không đồng ý ly hôn là do theo đạo Công giáo không được phép ly hôn, nhưng anh không thắc mắc khiếu nại gì về việc chị T yêu cầu ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, nên vụ án không thuộc trường hợp công nhận thuận tình ly hôn mà phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chị T và anh P đã có mâu thuẫn, không còn khả năng đoàn tụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh P có 02 con chung là Nguyễn Ngọc K - sinh ngày 01/01/2010 và Nguyễn Ngọc N - sinh ngày 26/7/2014. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng thì anh P đồng ý. Xét thấy, từ sau khi xảy ra mâu thuẫn, con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân chị có trách nhiệm chăm sóc và có nghề nghiệp thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung, đồng thời cháu Nguyễn Ngọc K và Nguyễn Ngọc N trên 07 tuổi có nguyện vọng mong muốn được ở với chị T. Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận việc anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng/tháng (5.000.000 đồng/con chung).

Để đảm bảo quyền lợi, nguyện vọng của các con chung chưa thành niên và nguyện vọng của chị T về việc nuôi con, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014³⁴, giao 02 cháu Nguyễn Ngọc K và Nguyễn Ngọc N cho chị Trần Thị Diễm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung 10.000.000 đồng/tháng, chia đều mỗi con chung là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động và được chị T đồng ý, nên ghi nhận. Anh P có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Ngọc P phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[9] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 235, 238, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Diễm T. Chị Trần Thị Diễm T được quyền ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P.

- Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Ngọc K và Nguyễn Ngọc N cho chị Trần Thị Diễm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung 10.000.000 đồng/tháng, chia đều mỗi con chung là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động. Anh P có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0001080 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Ngọc P phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Diễm T và anh Nguyễn Ngọc P vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Thanh (Số 87, ngày 13/11/2008) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

Trần Văn Tuấn